



THE CURRENT SITUATION OF INTERNAL CONTROLS OF SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES IN THE MANUFACTURING SECTOR IN HO CHI MINH CITY

Le Thi Men^{1*}

¹University Of Finance and Accountancy

ARTICLE INFO	ABSTRACT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi70.322</p> <p><i>Received:</i> January 31, 2021</p> <p><i>Accepted:</i> June 03, 2021</p> <p><i>Published:</i> August 25, 2022</p> <p>Keywords: Internal control of enterprises; Internal control of small and medium enterprises.</p>	<p>In the process of production and business activities, enterprises have to face a lot of risks, external and internal factors affecting the implementation of enterprises goals. And then internal control acts as an effective tool for enterprises to cope with risks, reduce risk to acceptable levels, ensure efficiency and efficiency of operations; reliability of information and enhanced compliance with laws and regulations. The following research paper adopts a survey of internal control in 360 small and medium-sized enterprises in the manufacturing sector in Ho Chi Minh City in 2020, through five components of internal control to clearly see the current state of internal control at small and medium-sized enterprises in Ho Chi Minh City. The results show that in general surveyed enterprises are still weak in activities of “Monitoring”, “Control activities” and “Risk assessment”. The activities “Information communication” and “Control environment” are two components with a high rate of the five components of internal control. Some recommendations are given by the author such as the need to develop a reasonable personnel policy, step by step build a risk assessment process, strengthen monitoring activities, etc. From that, gradually improve the inspection internal control at small and medium-sized enterprises in Ho Chi Minh City.</p>

*Corresponding author:

Email: lethimen@tckt.edu.vn



THỰC TRẠNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA NHÓM NGÀNH SẢN XUẤT TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Thị Mến^{1*}

¹Trường Đại học Tài chính – Kế toán

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>DOI: 10.52932/jfm.vi70.322</p> <p>Ngày nhận: 31/01/2021</p> <p>Ngày nhận lại: 03/06/2021</p> <p>Ngày đăng: 25/08/2022</p> <p>Từ khóa: Kiểm soát nội bộ; Kiểm soát nội bộ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p>	<p>Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp phải đối mặt với rất nhiều các rủi ro, các yếu tố bên ngoài và bên trong ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các mục tiêu của doanh nghiệp. Và khi đó, kiểm soát nội bộ đóng vai trò như một công cụ hữu hiệu để các doanh nghiệp đối phó với rủi ro, giảm thiểu rủi ro xuống mức có thể chấp nhận được, đảm bảo hiệu quả và hiệu suất của các hoạt động; tính tin cậy của thông tin và tăng cường tính tuân thủ với các luật và các quy định. Bài nghiên cứu dưới đây thông qua khảo sát về kiểm soát nội bộ ở 360 doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhóm ngành sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020, thông qua năm thành phần kiểm soát nội bộ để thấy rõ thực trạng kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy, tại các doanh nghiệp khảo sát nhìn chung còn yếu ở hoạt động “Giám sát”, “Hoạt động kiểm soát” và “Đánh giá rủi ro”. Hai hoạt động “Thông tin truyền thông” và “Môi trường kiểm soát” là hai thành phần đạt tỷ lệ cao trong năm thành phần của kiểm soát nội bộ. Một số các kiến nghị được tác giả đưa ra như cần phải xây dựng chính sách nhân sự hợp lý, từng bước xây dựng quy trình đánh giá rủi ro, tăng cường các hoạt động giám sát, v.v. Từ đó, hoàn thiện dần công tác kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.</p>

1. Giới thiệu

Doanh nghiệp nhỏ và vừa hiện chiếm số lượng rất lớn, giữ vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Theo thông tin từ Cục đăng ký kinh doanh thuộc Bộ Kế hoạch đầu tư, trong năm 2020,

tổng số doanh nghiệp thành lập mới đa phần đều là doanh nghiệp nhỏ và vừa (mức vốn dưới 10 tỷ) chiếm đến gần 88,9%. Tuy nhiên, điều đáng nói, tỷ lệ doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong năm 2020 còn đáng báo động hơn – chiếm tỷ lệ 90,3%, cũng tập trung chủ yếu ở nhóm doanh nghiệp nhỏ và vừa. Điều này có thể thấy sức cạnh tranh thấp bởi thiếu vốn, đi kèm với năng lực quản lý kém, đặc biệt năng lực đối phó với các rủi ro bất trắc. Nên khi có bất kỳ bất ổn gì thì các doanh nghiệp nhỏ và vừa

*Tác giả liên hệ:

Email: lethimen@tckt.edu.vn

là các doanh nghiệp dễ bị “tổn thương” nhất. Điều quan trọng đối với doanh nghiệp lúc này là cần phải có các biện pháp để đối phó với các rủi ro đó. Làm sao để có thể kết hợp sức mạnh nội tại của doanh nghiệp trước những cơ hội và thách thức từ môi trường bên ngoài. Như vậy, doanh nghiệp cần thiết lập và vận hành kiểm soát nội bộ tạo ra một khung kiểm soát giúp công ty hoạt động hiệu quả, giảm thiểu rủi ro.

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp khảo sát thông qua bảng câu hỏi để đánh giá về thực trạng thiết lập và vận hành kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực sản xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Qua đó, có những giải pháp đề xuất để hoàn thiện kiểm soát nội bộ, góp phần giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu suất hoạt động cho nhóm các doanh nghiệp này.

2. Cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước

2.1. Tổng quan một số khuôn khổ kiểm soát nội bộ được áp dụng rộng rãi trên thế giới

Trên thế giới hiện nay có khá nhiều các khuôn khổ về kiểm soát nội bộ được áp dụng như khuôn khổ kiểm soát nội bộ COCO (The criteria of control - Các tiêu chuẩn của kiểm soát nội bộ), khuôn khổ kiểm soát nội bộ COBIT (Control Objectives for Information and Related Technologies – Các mục tiêu kiểm soát đối với công nghệ thông tin) và khuôn khổ kiểm soát nội bộ Coso do COSO (Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission – Ủy ban về chống gian lận báo cáo tài chính) ban hành lần đầu năm 1992.

Khuôn khổ kiểm soát nội bộ COCO

COCO là khuôn khổ kiểm soát nội bộ được phát triển bởi Viện các kế toán viên công chứng Canada (CICA – Canadian Institute Of Chartered Accountants). Coco được ban hành lần đầu tiên vào năm 1995. COCO miêu tả kiểm soát nội bộ như là các hành động thúc đẩy kết quả tốt nhất cho một đơn vị (CICA, 1995). Các nguyên tắc của khuôn khổ COCO được tổ chức theo 4 nhóm sau: Mục đích, Cam kết, Năng lực, Hành động, Giám sát và học hỏi.

Khuôn khổ kiểm soát nội bộ COBIT

COBIT được ban hành đầu tiên năm 1996 bởi Hiệp hội kiểm toán và kiểm soát hệ thống thông tin quốc tế (ISACA -Information Systems Audit and Control Association). Đây là Tiêu chuẩn về quản lý công nghệ thông tin mang tính phổ quát, đã được công nhận trên toàn cầu, bao gồm các khuôn mẫu (framework) về cách thức triển khai, thực hành quản lý công nghệ thông tin hợp lý nhất (guideline). Đến nay khuôn khổ kiểm soát nội bộ COBIT phiên bản mới nhất, COBIT 5, được phát hành vào năm 2012, tập trung nhiều hơn vào khía cạnh quản trị thông tin, cùng với quản lý rủi ro, và được sử dụng rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp. (ISACA, 2012).

Khuôn khổ kiểm soát nội bộ COSO

COSO là một chuẩn mực của thế giới trong lĩnh vực Kiểm soát nội bộ, được ban hành lần đầu vào năm 1992 tại Hoa Kỳ; COSO đóng vai trò như một bước khởi đầu làm nền tảng cho các doanh nghiệp khi xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ. Theo COSO (2013) “*Kiểm soát nội bộ là một quá trình được thiết lập và vận hành bởi hội đồng quản trị, ban quản lý và các nhân sự khác, được thiết lập để cung cấp một sự đảm bảo hợp lý nhằm đạt được các mục tiêu hoạt động, mục tiêu báo cáo và sự tuân thủ pháp luật và các quy định liên quan*”.

Các bộ phận của kiểm soát nội bộ

Môi trường kiểm soát: bao gồm các chức năng quản trị và quản lý, các quan điểm, nhận thức và hành động của Ban quản trị và Ban Giám đốc liên quan đến kiểm soát nội bộ và tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ đối với hoạt động của đơn vị.

Đánh giá rủi ro: là một tiến trình linh hoạt, lặp đi lặp lại nhận diện và phân tích các rủi ro đối với đạt được các mục tiêu của tổ chức.

Hoạt động kiểm soát: là các chính sách và thủ tục nhằm đảm bảo rằng các chỉ đạo của Ban giám đốc được thực hiện.

Thông tin và truyền thông: Thông tin được cung cấp thông qua hệ thống thông tin. Truyền

thông là một phần của hệ thống thông tin, có vai trò trong việc trao đổi thông tin.

Giám sát: là quy trình đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong từng giai đoạn.

2.2. Tổng quan các nghiên cứu trước đây

Trên thế giới, các nghiên cứu về kiểm soát nội bộ chủ yếu ở mức độ tác động của kiểm soát nội bộ đến một yếu tố nào đó, ví dụ, một nghiên cứu của Lee và cộng sự (2016) về tác động của kiểm soát nội bộ đến hiệu quả đầu tư, hoặc nghiên cứu của Ji và cộng sự (2016) về tác động của kiểm soát nội bộ đến nguyên tắc thận trọng trong kế toán. Weng và cộng sự (2015) tác động của kiểm soát nội bộ đến chất lượng thông tin. Với việc sử dụng mẫu 6.512 quan sát từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 12 năm 2010 từ cơ sở dữ liệu Phân tích kiểm toán. Trong đó mẫu bao gồm 546 quan sát có kiểm soát nội bộ không hiệu quả và 5.966 quan sát với kiểm soát nội bộ hiệu quả. Dữ liệu báo cáo tài chính được lấy từ Cơ sở dữ liệu COMPUSTAT Bắc Mỹ. Các tác giả cho rằng kiểm soát nội bộ không hiệu quả sẽ cho phép đưa các sai sót vào quá trình lập báo cáo tài chính và do đó dẫn đến chất lượng báo cáo thấp hơn. Vì vậy, các công ty có kiểm soát nội bộ yếu kém có thể có chất lượng thông tin kém hơn.

Nyakundi và cộng sự (2014) nghiên cứu về sự ảnh hưởng của hệ thống kiểm soát nội bộ đến hoạt động tài chính của các doanh nghiệp kinh doanh quy mô vừa và nhỏ ở Thành phố Kisumu, Kenya. Số liệu thống kê ở Kenya cho thấy sự phát triển vượt bậc của các Doanh nghiệp vừa và nhỏ, chiếm khoảng 96% tổng số doanh nghiệp kinh doanh trong cả nước; nhưng 90% doanh nghiệp mới thành lập không hoạt động sau kỷ niệm ba năm thành lập. Các tác giả chọn mẫu nghiên cứu thông qua kỹ thuật chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng và đơn giản. Nghiên cứu được thực hiện bằng cả cách tiếp cận định lượng và định tính; điều chỉnh thiết kế nghiên cứu khảo sát cắt ngang. Nghiên cứu sử dụng cả dữ liệu sơ cấp và dữ liệu thứ cấp. Dữ liệu sơ cấp được thu thập bằng bảng câu hỏi, trong khi dữ liệu thứ cấp được thu thập từ báo cáo tài chính

của các doanh nghiệp được chọn mẫu. Dữ liệu được phân tích bằng cách sử dụng thống kê mô tả cũng như thống kê suy luận. Nghiên cứu đặc biệt tiết lộ rằng sự thay đổi đáng kể trong hoạt động tài chính có liên quan đến hệ thống kiểm soát nội bộ. Dựa trên các kết quả nghiên cứu, kết luận rằng hệ thống kiểm soát nội bộ được hỗ trợ bởi các kết quả nghiên cứu ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động tài chính của các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Cuộc điều tra khuyến nghị đào tạo về tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ giữa các chủ doanh nghiệp quy mô nhỏ và vừa.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về thực trạng và hoàn thiện kiểm soát nội bộ nhiều hơn tại các doanh nghiệp cụ thể hoặc một nhóm các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực cụ thể trên một địa bàn. Trong đó, có nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Hiệp (2012) đánh giá về thực trạng kiểm soát nội bộ thông qua khảo sát 75 doanh nghiệp nhỏ và vừa được chọn ngẫu nhiên từ các ngành nghề khác nhau trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Việc khảo sát được thực hiện thông qua việc sử dụng bảng câu hỏi khảo sát gồm 82 câu liên quan đến các bộ phận cấu thành của kiểm soát nội bộ. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các doanh nghiệp đều có quan tâm đến kiểm soát nội bộ và cố gắng xây dựng một hệ thống kiểm soát nội bộ cho doanh nghiệp mình. Tuy nhiên việc tổ chức này còn mang tính tự phát, tổ chức theo kinh nghiệm và không có hệ thống do vậy hiệu quả đạt được chưa cao.

Kết quả nghiên cứu có sự khác nhau nhất định với với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Lê Hà và Trần Thị Ánh (2018) khảo sát tại 366 doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thái Nguyên. Theo hai tác giả thì chỉ có một yếu tố của hệ thống kiểm soát nội bộ là “Hoạt động kiểm soát” được đánh giá tốt; các yếu tố khác là: “Môi trường kiểm soát”, “Đánh giá rủi ro”, “Thông tin và truyền thông” và “Giám sát” được đánh giá ở mức trung bình.

3. Phương pháp nghiên cứu

Do tính phổ biến và được thừa nhận rộng rãi của khung lý thuyết COSO (2013), nghiên

cứ sử dụng khung kiểm soát nội bộ của COSO làm lý thuyết nền tảng và là cơ sở cho tác giả thiết kế các câu hỏi khảo sát. Theo đó, kiểm soát nội bộ được phân thành năm yếu tố bao gồm môi trường kiểm soát, đánh giá rủi ro, hoạt động kiểm soát, thông tin và truyền thông và giám sát.

Mẫu khảo sát: Tác giả sử dụng công thức tính cỡ mẫu của Hair và cộng sự (1998) cho tham khảo về kích thước mẫu dự kiến. Theo đó kích thước mẫu tối thiểu được tính qua công thức sau: $n=5*m$, trong đó m là số lượng câu hỏi trong bài, n là kích thước mẫu tối thiểu. Số câu hỏi trong bài nghiên cứu được thiết kế là 70 câu hỏi, tương ứng với kích thước mẫu tối thiểu là 350. Dựa trên kết quả đó, tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Trong quá trình lấy được mẫu, tác giả thu thập được thông tin về 360 doanh nghiệp doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực sản xuất đóng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Sở dĩ bài nghiên cứu tập trung nghiên cứu vào số doanh nghiệp nhỏ và vừa ở lĩnh vực sản xuất đóng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh vì đây là lĩnh vực mà có đầy đủ các bộ phận chức năng nhất so với nhóm ngành khác nên việc khảo sát sẽ toàn diện hơn ở cả năm thành phần thuộc kiểm soát nội bộ theo khuôn mẫu COSO (2013).

Nội dung khảo sát: Nội dung khảo sát gồm 70 câu hỏi, tập trung vào việc có hay không việc quy định và thực hiện kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp. Dựa trên hướng dẫn COSO về kiểm soát nội bộ, bao gồm các nội dung về năm thành phần kiểm soát nội bộ mà tác giả thiết kế bộ câu hỏi nhằm làm rõ việc áp dụng xây dựng và thực hiện kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát theo hướng dẫn của COSO. Phần đầu của bảng câu hỏi bao gồm các thông tin chung liên quan đến tên đơn vị, loại hình kinh doanh, năm hoạt động và số nhân

viên, doanh thu trung bình hàng năm. Phần thứ hai trình bày thông tin liên quan đến năm yếu tố cấu thành hệ thống kiểm soát nội bộ. Những người được khảo sát đã được yêu cầu đánh giá kiểm soát nội bộ của đơn vị thông qua trả lời các câu hỏi dạng “Có/Không” để đánh giá về mặt thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp.

Hình thức khảo sát: Có hai hình thức là gửi mail và phỏng vấn trực tiếp.

Đối tượng khảo sát: Chủ yếu là các kế toán viên hoặc Kế toán trưởng hoặc một số các trưởng phòng ban chức năng tại các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát. Đây là những đối tượng có những hiểu biết nhất định về kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp, đặc biệt là vai trò trung gian của phòng kế toán, tham gia kiểm soát các dữ liệu đầu vào cũng như đầu ra của thông tin thông qua các hoạt động thu thập, xử lý, phân tích và báo cáo.

Phương pháp nghiên cứu: Thu thập và phân tích kết quả khảo sát thông qua bảng câu hỏi, áp dụng phương pháp thống kê mô tả và phương pháp so sánh để đánh giá thực trạng và đưa ra giải pháp nhằm hoàn thiện kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa nhóm ngành sản xuất tại Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Thực trạng kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Thành phố Hồ Chí Minh

4.1. Thống kê mô tả mẫu quan sát

Lĩnh vực sản xuất: Trong số 360 mẫu quan sát, số lượng doanh nghiệp nhỏ và vừa sản xuất chủ yếu trong lĩnh vực dệt may (chiếm khoảng 41%), giấy và bao bì (khoảng 22%), ba lô túi xách (khoảng 14%), đồ nội thất (khoảng 8%), nhựa (khoảng 7%), giày dép (khoảng 5%) và các lĩnh vực khác (khoảng 4%).

Bảng 1. Lĩnh vực sản xuất

Lĩnh vực sản xuất	Số lượng	Tỷ lệ
Dệt may	147	40,8%
Giấy, bao bì	79	21,9%
Ba lô, túi xách	49	13,6%
Đồ nội thất	28	7,8%
Nhựa	24	6,7%
Giày dép	17	4,7%
Khác	16	4,4%
Tổng	360	100,0%

Quy mô lao động: Dựa vào bảng quy mô lao động có thể thấy phân đông các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát là các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ (chiếm khoảng hơn 90% trong mẫu

quan sát. Tỷ lệ các doanh nghiệp có quy mô vừa (trên 100 lao động trở lên) chiếm khoảng gần 9% trong mẫu quan sát.

Bảng 2. Quy mô lao động của các doanh nghiệp

Quy mô lao động	Số lượng	Tỷ lệ
Dưới 10	156	43,3%
Từ 10 đến dưới 50	144	40,0%
Từ 50 đến dưới 100	30	8,3%
Từ 100 đến dưới 200	27	7,5%
Lớn hơn 200	3	0,8%
Tổng	360	100,0%

Số năm hoạt động: Các doanh nghiệp có số năm hoạt động từ 3 đến 5 năm chiếm chủ yếu trong mẫu quan sát, chiếm khoảng 41%. Đây

cũng là các doanh nghiệp dễ bị tổn thương nhất khi tham gia vào thị trường.

Bảng 3. Số năm hoạt động của doanh nghiệp

Số năm hoạt động	Số lượng	Tỷ lệ
Dưới 3 năm	51	14,2%
Từ 3-5 năm	146	40,6%
Từ 5- 10 năm	106	29,4%
Trên 20 năm	57	15,8%
Tổng	360	100,0%

4.2. Thảo luận kết quả nghiên cứu

Bảng khảo sát cho thấy trong năm thành phần kiểm soát thì đa số các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát còn yếu ở hoạt động “Giám sát”, “Các hoạt động kiểm soát” và “Đánh giá rủi ro”. Yếu tố “Thông tin truyền thông” và “Môi trường kiểm soát” là hai yếu tố đạt tỷ lệ cao trong năm thành phần của kiểm soát nội bộ (Phụ lục 1). Kết quả này có sự tương đồng nhất định với nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Hiệp (2012), một tỷ lệ lớn chiếm đến hơn 80% các doanh nghiệp đều có “Môi trường kiểm soát” tốt, tỷ lệ người lãnh đạo quan tâm đến tầm quan trọng của kiểm soát nội bộ rất cao. Yếu tố “Thông tin và truyền thông” được đánh giá cao ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa một phần vì do đặc thù cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, việc thông tin giữa các cá nhân và bộ phận chức năng diễn ra rất nhanh chóng, kịp thời. Tuy nhiên, hoạt động “Đánh giá rủi ro” không được chú trọng nhiều ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Vì thế doanh nghiệp chưa có các biện pháp để ứng phó tốt với các rủi ro bên trong và bên ngoài đơn vị hay nói cách khác tồn tại thực trạng một số các doanh nghiệp nhỏ và vừa thiếu các quy trình hay quy định – các thủ tục kiểm soát cụ thể để ngăn ngừa, phát hiện và sửa chữa các sai phạm. Và cuối cùng, ở hoạt động “Giám sát” các doanh nghiệp chỉ thực hiện một cách tương đối.

Nhưng kết quả nghiên cứu có sự khác nhau nhất định với kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Lê Hà và Trần Thị Ánh (2018). Theo hai tác giả thì chỉ có một yếu tố của hệ thống kiểm soát nội bộ là “Hoạt động kiểm soát” được đánh giá tốt; các yếu tố khác là: “Môi trường kiểm soát”, “Đánh giá rủi ro”, “Thông tin và truyền thông” và “Giám sát” được đánh giá ở mức trung bình. Điều này có thể được giải thích là mẫu khảo sát khác nhau ở những doanh nghiệp đóng trên địa bàn khác nhau và năm tiến hành nghiên cứu khác nhau,... cũng là những yếu tố tác động đến sự khác nhau của kết quả nghiên cứu. Kết quả bài nghiên cứu được trình bày cụ thể theo các thành phần của kiểm soát nội bộ như sau:

Yếu tố “Môi trường kiểm soát”

Yếu tố được đánh giá cao trong bảng khảo sát là yếu tố môi trường kiểm soát – yếu tố nền tảng của kiểm soát nội bộ. Hầu hết các chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa đều quan tâm đến kiểm soát nội bộ tại doanh nghiệp mình. Tuy nhiên, dưới góc độ của nhân viên, một con số không nhỏ lên đến 16,7% trả lời là không biết ban giám đốc quan tâm đến kiểm soát nội bộ. Như vậy, ở những doanh nghiệp này có thể không phải ban giám đốc không quan tâm đến kiểm soát nội bộ mà là sự quan tâm đó chưa đủ mạnh và chưa đủ rõ, chưa thể hiện rõ thông qua các cơ chế, thủ tục kiểm soát để nhân viên trong doanh nghiệp có thể hiểu và tuân theo. Mặt khác, một khía cạnh khác ở yếu tố “Môi trường kiểm soát” còn nhiều hạn chế, liên quan đến các vấn đề về cam kết năng lực và các thông lệ nhân sự. Theo khảo sát có khoảng 55% nhân viên đảm bảo phù hợp với vị trí đảm nhiệm, sự phù hợp thể hiện ở vấn đề năng lực chuyên môn và vấn đề nhân thân. Số phần trăm còn lại chưa đảm bảo về mặt năng lực chuyên môn. Điều này cũng có thể giải thích bởi tỷ lệ người lao động cho rằng công ty trả lương không thỏa đáng ở mức cao, khoảng 36,4%, dẫn đến nhiều lao động “nhảy việc” hoặc khó tuyển dụng người lao động có chuyên môn.

Yếu tố “Đánh giá rủi ro”

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa theo kết quả khảo sát có tỷ lệ đạt thấp ở hoạt động “Đánh giá rủi ro”. Thế giới hiện nay là một thế giới mở, bất kỳ một doanh nghiệp nào tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh cũng chịu sự tác động và chi phối trực tiếp và gián tiếp bởi các yếu tố ngoại cảnh, điều này yêu cầu các doanh nghiệp cần phải có sự nhận diện, đánh giá rủi ro để từ đó có các biện pháp quản trị rủi ro phù hợp, tránh được các tổn thất cho doanh nghiệp. Tuy nhiên, chỉ có khoảng 36,4% doanh nghiệp trong mẫu khảo sát là có đánh giá các nguy cơ tiềm tàng từ các sự kiện bên ngoài; 44,2% các doanh nghiệp có xem xét phân tích các rủi ro bên trong. Đây cũng là một tỷ lệ khá khiêm tốn và cho thấy sự hạn chế trong hoạt động của

doanh nghiệp, bởi hoạt động thường ngày của doanh nghiệp cũng phát sinh không ít những rủi ro: rủi ro đến từ quy trình, rủi ro từ các mối quan hệ lao động, rủi ro gian lận,...bao gồm cả việc đánh giá rủi ro từ bên ngoài tác động đến rủi ro bên trong thế nào thì nhiều doanh nghiệp còn bỏ ngỏ. Lý giải cho kết quả này có thể được giải thích bằng tỷ lệ các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát có xác định, xây dựng các mục tiêu cũng không phải là một con số khá, chỉ dừng lại ở tỷ lệ 36,7%. Trước khi xác định nhận diện rủi ro, cần phải làm rõ mục tiêu của doanh nghiệp, bởi rủi ro là tất cả những giao dịch, sự kiện có thể làm ảnh hưởng đến việc hoàn thành mục tiêu. Mặt khác, mục tiêu này cần phải có sự thông báo rộng rãi đến toàn bộ nhân viên để họ hiểu và hoàn thành mục tiêu. Nhưng chỉ có khoảng 32,2% số doanh nghiệp trong mẫu khảo sát là làm điều này.

Yếu tố “Hoạt động kiểm soát”

Hầu hết các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát không có các chính sách kiểm soát đầy đủ. Nói cách khác, đa số các doanh nghiệp nhỏ và vừa không có văn bản hóa các quy định, ví dụ một số các quy định quan trọng nhất thiết phải có vì nó còn liên quan đến quy định của thuế - một trong những quy định bắt buộc mà doanh nghiệp phải tuân theo nếu không muốn bị phạt, truy thu thuế,... Ví dụ, quy chế chi tiêu nội bộ hoặc quy chế tài chính: chỉ có khoảng 27,2% số doanh nghiệp được khảo sát có ban hành quy định này. Ngoài ra là các quy định liên quan đến một số các quy trình kinh doanh chính như quy trình sản xuất, bán hàng, mua hàng thì có khoảng 34% số doanh nghiệp trong mẫu khảo sát ban hành. Một số các nguyên tắc kiểm soát cũng không được doanh nghiệp chú trọng. Ví dụ, nguyên tắc bắt kiêm nhiệm: chỉ có khoảng 34,2% các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát là tuân thủ nguyên tắc này. Tuy nhiên, đây cũng không phải là vấn đề lớn bởi quy mô của doanh nghiệp nhỏ và vừa không thể hoặc không cần thiết phải tách biệt các chức năng. Nhưng vấn đề, doanh nghiệp cần phải có sự giám sát chặt chẽ. Vấn đề còn hạn chế ở một số doanh nghiệp khi khảo sát liên quan đến các nguyên tắc kiểm

soát, đó là nguyên tắc “phân công, phân nhiệm”. Nguyên tắc này đòi hỏi doanh nghiệp cần phải có quy định rõ ràng về quyền hạn và trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận, cũng như mô tả công việc cụ thể mà họ đảm nhận, nhưng chỉ có khoảng 27,2% doanh nghiệp là có quy định rõ ràng về phân công, phân nhiệm. Một số các kết quả khảo sát liên quan đến yếu tố “hoạt động kiểm soát” không tốt, tuy nhiên cần phải xem xét sự đặc thù của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể không tuân theo nguyên tắc “bắt kiêm nhiệm” nhưng cần phải có sự giám sát chặt chẽ.

Yếu tố “Thông tin và truyền thông”

Đối với yếu tố thông tin, nhóm khảo sát tập trung vào một số các câu hỏi liên quan đến hệ thống thông tin kế toán. Nhìn chung, nhiều doanh nghiệp còn hạn chế ở công tác hạch toán kế toán. Chỉ có khoảng 20,8% doanh nghiệp nhỏ và vừa có quy định quy trình luân chuyển chứng từ. Điều này vô hình trung tạo nhiều rủi ro cho doanh nghiệp. Ở khía cạnh thứ hai là yếu tố “truyền thông” có cách thực hiện tốt hơn, có lẽ vì xuất phát từ đặc điểm cơ cấu tổ chức của các doanh nghiệp nhỏ và vừa ít cấp bậc, số lượng nhân viên ít nên việc trao đổi thông tin nhanh chóng, dễ dàng hơn. Tuy nhiên, có một điểm chưa tốt so với các đối tượng, hình thức trao đổi thông tin khác như việc trao đổi của Ban giám đốc (tỷ lệ đạt gần 90%), đó là việc trao đổi chuyên môn giữa kế toán trưởng và các nhân viên kế toán, có khoảng 74,7% tỷ lệ các doanh nghiệp có sự trao đổi chuyên môn, hướng dẫn nghề nghiệp thường xuyên.

Một điểm đáng lưu tâm ở cuộc khảo sát này đó là hầu hết ở các thành phần kiểm soát nội bộ, tỷ lệ câu trả lời “không biết” chiếm một tỷ lệ tương đối. Điều này một phần thể hiện sự truyền đạt thông tin không tốt, người lao động không quan tâm, không biết, không hiểu rõ mục tiêu, các quy định, chính sách của doanh nghiệp thậm chí là những lợi ích, vấn đề liên quan nhất đến người lao động như chính sách lương, thưởng, đãi ngộ,... Mặc dù yếu tố “Thông tin và truyền thông” trong mẫu khảo sát đạt tỷ lệ

khá cao: 56,4%, nhưng các vấn đề tập trung chủ yếu là sự trao đổi thông tin từ những sự việc hàng ngày mà thiếu sự trao đổi về những mục tiêu, chính sách của doanh nghiệp ở tầm trung, dài hạn và mang tính tổng thể.

Yếu tố “Giám sát”

Hoạt động giám sát có kết quả là các câu trả lời “Có” đạt tỷ lệ khoảng 36,9%. Điều này một phần là do phần lớn việc giám sát các hoạt động kiểm soát của nhà quản lý còn chưa cao, đặc biệt là việc đánh giá định kỳ sự vận hành của hệ thống kiểm soát, ví dụ đơn cử như việc tuân thủ các quy định, các chính sách của công ty, thiếu các chỉ dẫn cũng như bộ tiêu chí đánh giá, đo lường cụ thể. Từ đó, khó biết được tính hữu hiệu của các chính sách, quy định đã ban hành. Cũng như không có những biện pháp khắc phục kịp thời những lỗ hổng kiểm soát.

Trong yếu tố “Giám sát các hoạt động kiểm soát” thì có đến 52,8% các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát có sự giám sát giữa các nhân viên và sự giám sát của Ban giám đốc đối với nhân viên là 44,2%. Điều này là một điểm cộng cho kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Bên cạnh việc giám sát xem việc nhân viên có tuân thủ theo các quy định của doanh nghiệp không, người lãnh đạo cần phải có sự đánh giá về tính hiệu quả và hữu hiệu của các hoạt động kiểm soát trên, từ đó tìm ra các nguyên nhân và giải pháp hoàn thiện cho các hoạt động kiểm soát nói riêng và kiểm soát nội bộ nói chung. Nhưng ở các doanh nghiệp trong mẫu khảo sát, tỷ lệ nhà quản lý đánh giá sự hữu hiệu và hiệu quả của kiểm soát nội bộ chỉ khoảng 26,9% và tỷ lệ điều chỉnh kiểm soát nội bộ cho phù hợp sau đánh giá khoảng 23,9%. Điều này có thể xuất phát từ việc thiếu một bộ tiêu chí đánh giá phù hợp, lượng hóa các kết quả.

5. Kết luận

5.1. Kết luận

Bài nghiên cứu thực hiện phương pháp phỏng vấn để đánh giá thực trạng thiết kế và vận hành kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc nhóm ngành sản xuất

trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2020. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hai thành phần thuộc Kiểm soát nội bộ là “Môi trường kiểm soát” và “Thông tin và truyền thông” có tỷ lệ áp dụng thực hiện cao, với lần lượt là 53,55% và 56,4%. Các thành phần khác là “Đánh giá rủi ro”, “Hoạt động kiểm soát” và “Giám sát” có tỷ lệ áp dụng dưới mức trung bình, lần lượt là 38,6%; 37,6% và 36,9%. Điều này đặt ra các hành động cần thiết cho các doanh nghiệp đó là cần phải có quy trình đánh giá rủi ro rõ ràng, việc đánh giá rủi ro phải được cập nhật thường xuyên tương ứng với sự thay đổi trong môi trường kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, thiết kế các quy trình kinh doanh chính, phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các chức năng và đặc biệt phải có sự kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động thường xuyên.

5.2. Một số kiến nghị hoàn thiện kiểm soát nội bộ doanh nghiệp nhỏ và vừa

5.2.1. Kiến nghị hoàn thiện liên quan đến yếu tố “Môi trường kiểm soát”

Trong môi trường kiểm soát, thành phần cần cải thiện đó chính là “Chính sách nhân sự”. Cần thiết phải có tối thiểu một chuyên viên hành chính nhân sự (nếu không có phòng tổ chức hành chính, nhân sự) để có thể tham mưu cho giám đốc các vấn đề về nhân sự, cũng như giải quyết các vấn đề liên quan đến nhân sự trong tổ chức. Ở các doanh nghiệp nhỏ, để tiết kiệm chi phí có thể kiêm nhiệm nhưng ít nhất phải có một quy tắc chuẩn, quy trình chuẩn bằng việc thuê dịch vụ ngoài làm bài bản, sau đó sẽ chuyển giao lại cho các nhân viên kiêm nhiệm trong công ty.

Điều đặc biệt trong chính sách nhân sự đó là cần phải nhấn mạnh yếu tố con người bao gồm tư chất, kỹ năng chuyên môn của người lao động, việc tuyển dụng phải được công bố công khai với cơ sở các tiêu chí rõ ràng, tránh tình trạng người quen, người thân vào làm việc mà không đúng chuyên môn, nghiệp vụ... Việc có quy trình tuyển dụng rõ ràng không những giúp doanh nghiệp lựa chọn được đúng người mà còn hạn chế tối đa việc người quen, người thân được nhờ gủi vì quen, thân gì cứ đúng theo

quy trình mà thực hiện. Nếu thực sự thỏa mãn các tiêu chí do doanh nghiệp yêu cầu về chuyên môn, kinh nghiệm kỹ năng và đạo đức làm việc thì sẽ được chọn; còn không, sẽ bị đào thải.

5.2.2. Kiến nghị hoàn thiện liên quan đến yếu tố “Đánh giá rủi ro”

Qua khảo sát cho thấy, ở một số các doanh nghiệp nhỏ và vừa còn chưa chú trọng đến đánh giá rủi ro, điều này gây ra những thiệt hại to lớn cho doanh nghiệp. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng quy trình đánh giá rủi ro bài bản. Một quy trình đánh giá rủi ro cơ bản phải bao gồm các bước sau:

Xác định mục tiêu: Đầu tiên cần phải xác định rõ mục tiêu của doanh nghiệp, mục tiêu trong ngắn hạn và có gắn với chiến lược dài hạn của đơn vị. Mục tiêu cần phải xác định rõ ràng và chi tiết, có thể phân loại các mục tiêu theo từng lĩnh vực, từng mảng hoạt động, từng bộ phận, theo từng khoảng thời gian,... Ví dụ các mục tiêu về doanh thu, lợi nhuận của từng loại sản phẩm hoặc từng loại thị trường, các mục tiêu liên quan đến chất lượng sản phẩm, tỷ lệ trả lại hàng, thời gian phản hồi thông tin,...

Nhận diện rủi ro: Xác định tất cả các thông tin, sự kiện giao dịch bên ngoài và bên trong doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến việc hoàn thành các mục tiêu của doanh nghiệp. Ở giai đoạn này cần phải làm rõ hai yếu tố đó là thiệt hại (nếu có) và xác suất xảy ra. Việc nhận diện rủi ro thông qua các kênh thông tin bên ngoài và bên trong nội bộ doanh nghiệp.

Quản trị rủi ro: Sau khi nhận diện được các rủi ro, điều quan trọng là doanh nghiệp cần phải có các biện pháp ứng phó với rủi ro. Như đã nói ở trên, khi nhận diện rủi ro cần phải quan tâm đến hai yếu tố đó là thiệt hại xảy ra (nếu có) và xác suất xảy ra.

5.2.3. Kiến nghị hoàn thiện liên quan đến yếu tố “Hoạt động kiểm soát”

Dù là doanh nghiệp nhỏ đi chăng nữa thì điều cốt lõi là phải làm việc theo quy trình chuẩn, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Một số quy trình kinh doanh cơ bản cần phải được thiết

lập, trong đó nêu rõ từng vai trò chức năng của cá nhân, bộ phận tham gia. Mỗi một mắt xích trong quy trình đều thể hiện sự gắn kết của tập thể và là những mắt xích kiểm soát. Một số chính sách quan trọng cần phải ban hành trong doanh nghiệp và phải được phổ biến cho người lao động biết và thực hiện đúng.

Việc ban hành hệ thống quy chế, quy phạm, quy trình có ý nghĩa rất quan trọng trong quản lý điều hành doanh nghiệp; tuy nhiên để xây dựng và ban hành một văn bản quy phạm hợp pháp, phù hợp thực tế, đảm bảo tính khoa học ứng dụng là điều không đơn giản. Quy phạm nội bộ, phải đảm bảo (1) Tính hợp pháp, (2) Tính thực tiễn, (3) Tính hiệu quả.

5.2.4. Kiến nghị hoàn thiện liên quan đến yếu tố “Thông tin và truyền thông”

Tầm quan trọng của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp nhỏ và vừa cũng không kém gì doanh nghiệp lớn. Ngày nay, với kỹ thuật thông tin và tin học hóa thì các thông tin nội bộ có thể được xử lý hữu hiệu trong mọi doanh nghiệp, không phân biệt quy mô.

Đa dạng hóa các kênh thông tin: Các kênh truyền thông trong các doanh nghiệp này thường được thực hiện qua việc tiếp xúc, gặp gỡ, hội họp hàng ngày giữa những nhà quản lý cấp cao và nhân viên, và cả với sự đóng góp, kiến nghị của đối tác bên ngoài để cải thiện tốt hoạt động của doanh nghiệp.

Tổ chức hữu hiệu các kênh thông tin để đảm bảo nhân viên ở mọi cấp độ đều có thể hiểu và nắm rõ các nội quy, chuẩn mực của tổ chức đảm bảo thông tin được cung cấp kịp thời, chính xác. Thông tin quan trọng phải thường xuyên được cập nhật để nhà quản lý và những người có thẩm quyền có những hành động ứng phó kịp thời.

Bảo đảm chất lượng thông tin và thông tin truyền đạt kịp thời khi thông tin được truyền đạt từ trên xuống và từ dưới lên để doanh nghiệp có biện pháp chấn chỉnh phù hợp. Nhân viên cần được khuyến khích báo cáo hay đóng góp ý kiến cho nhà quản lý doanh nghiệp.

Bảo mật và đảm bảo an toàn thông tin: Doanh nghiệp cần phải bảo mật thông tin nội bộ liên quan đến định hướng kinh doanh, sáng kiến mới, tài liệu nội bộ... để tránh tình trạng nhân viên lạm quyền tiếp cận tài liệu phục vụ cho lợi ích cá nhân hay tổ chức khác. Có thể ban hành bằng văn bản thể hiện rõ yêu cầu và cơ sở xử phạt. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng cần có chương trình kế hoạch phòng ngừa đối với sự cố mất thông tin số liệu như khi có thiên tai, hiểm họa..., lắp đặt hệ thống bảo vệ số liệu để phòng ngừa việc truy cập, tiếp cận của những người không có thẩm quyền.

Thường xuyên tổ chức các cuộc họp với nhân viên, tổ chức các hoạt động ngoại khóa định kỳ cho nhân viên để mọi người trong doanh nghiệp có dịp gắn kết nhau hơn và dễ dàng chia sẻ các thông tin cần thiết.

5.2.5. Kiến nghị hoàn thiện liên quan đến yếu tố “Giám sát”

Thực hiện giám sát thường xuyên từ nhà quản lý đến nhân viên thông qua hoạt động hàng ngày của doanh nghiệp. Để hoạt động giám sát có hiệu quả, nhà quản lý cần có những hành động kịp thời khi tự nhận thấy hoặc được báo cáo về những yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị mình.

Thực hiện giám sát định kỳ thông qua việc phân tích, báo cáo kết quả trong một kỳ để có thể đánh giá tính hữu hiệu của các chính sách kiểm soát trong đó có hay không sự phù

hợp của các quy trình kinh doanh chính và sự hiệu quả của các thủ tục kiểm soát. Việc này được chỉ đạo thực hiện bởi người đứng đầu doanh nghiệp.

Những doanh nghiệp vừa có thể có bộ phận kiểm toán nội bộ để thực hiện việc đánh giá riêng biệt. Còn những doanh nghiệp nhỏ thì phải dựa vào đội ngũ nhân viên kế toán để có được các đánh giá kiểm soát. Một vài doanh nghiệp yêu cầu các kiểm toán viên độc lập đánh giá về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát của họ. Các phát hiện về khiếm khuyết hay hạn chế của hệ thống kiểm soát nội bộ cần báo cáo kịp thời lên cấp trên khi phát hiện để có biện pháp xử lý hay điều chỉnh kịp thời. Tuy nhiên, quan trọng nhất vẫn là nhà quản lý, chủ sở hữu phải có sự hiểu biết nhất định về quy trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là kiến thức tài chính kế toán cơ bản để có thể đọc hiểu báo cáo tài chính, kiểm soát được dòng tiền trong doanh nghiệp.

5.3. Hạn chế nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện dựa trên phương pháp phỏng vấn nên phụ thuộc khá nhiều vào thông tin mà người được phỏng vấn cung cấp. Mặt khác, vì thời gian nguồn lực có hạn nên nghiên cứu chỉ tập trung vào nhóm ngành sản xuất nên sẽ không có được bức tranh tổng thể về thực trạng kiểm soát nội bộ của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nói chung.

Tài liệu tham khảo

- CICA (1995). *Guidance on control*. Toronto: Canadian Institute of Chartered Accountants.
- Committee of Sponsoring Organizations of the Treadway Commission (COSO) (2013). *Internal control - Integrated framework*. New York: AICPA.
- Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (2020). *Tình hình đăng ký doanh nghiệp năm 2020*. <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/vn/tin-tuc/598/5275/infographic-ve-tinh-hinh-dang-ky-doanh-nghiep-nam-2020.aspx>.
- Hair, J., Anderson, R., Tatham, R. & Black, W. (1998). *Multivariate data analysis*. 5th Edition, Prentice Hall, New Jersey.
- ISACA (2012). *CobiT 5 - Control Objectives for Information and Related Technologies*. Information Systems Audit and Control Association.

Ji, X., Lu, W., & Qu, W. (2016). Internal control weakness and accounting conservatism in China. *Managerial Auditing Journal*, 31(6/7), 688-726.

Nguyễn Thị Bích Hiệp (2012). *Hoàn thiện kiểm soát nội bộ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh*. Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Thị Lê Hà, Trần Thị Ánh (2018). Hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp nhỏ và vừa tại tỉnh Thái Nguyên. *Tạp chí Công thương*, 5. <https://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/he-thong-kiem-soat-noi-bo-cua-doanh-nghiep-nho-va-vua-tai-tinh-thai-nguyen-53706.htm>.

Nyakundi, D. O., Nyamita, M. O. & Tinega, T. M (2014). Effect of internal control systems on financial performance of small and medium scale business enterprises in Kisumu City, Kenya. *International Journal of Social Sciences and Entrepreneurship*, 1(11), 719-734.

Weng, T. C., Chi, H. Y., & Chen, G. Z. (2015). Internal Control Weakness and Information Quality. *Journal of Applied Finance & Banking*, 5(5), 135-169.

Phụ lục 1. Bảng kết quả khảo sát kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc nhóm ngành sản xuất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu hỏi khảo sát chính	Tỷ lệ (%)		
	Có	Không	Không biết
Môi trường kiểm soát	53,5	22,9	17,6
Quan điểm của nhà lãnh đạo về kiểm soát nội bộ: Nhà lãnh đạo có quan tâm đến kiểm soát nội bộ không?	77,8	5,6	16,7
Cam kết về năng lực: Nhân viên có phù hợp với vị trí đảm nhiệm không?	55,0	39,4	5,6
Doanh nghiệp có yêu cầu về tính chính trực và giá trị đạo đức không?	100	0,0	0,0
Chính sách và thông lệ về nhân sự:	48,8	27,6	23,6
- Trả lương có thỏa đáng và khuyến khích người lao động làm việc không?	43,6	36,4	20,0
- Doanh nghiệp có chính sách đào tạo, nâng cao trình độ nhân viên không?	35,3	52,5	12,2
- Kết quả đánh giá thành tích của nhân viên có được công khai trao đổi phản hồi với từng nhân viên không?	58,1	15,8	26,1
Sự tham gia của Ban quản trị	58,1	5,6	36,4
Đánh giá rủi ro	38,6	38,5	22,9
Doanh nghiệp có xây dựng mục tiêu không?	36,7	9,4	53,9
Mục tiêu có được thông báo đến toàn bộ nhân viên không?	32,2	38,3	29,4
Doanh nghiệp có đánh giá đầy đủ các rủi ro từ hoạt động bên ngoài không?	36,4	48,1	15,6
Doanh nghiệp có thường xuyên phân tích rủi ro bên trong không?	44,2	49,7	6,1
Doanh nghiệp thường áp dụng biện pháp nào để đối phó rủi ro?			
- Né tránh rủi ro	58,1	35,8	6,1
- Đối phó rủi ro (giảm bớt rủi ro)	56,1	9,7	34,2
- Chuyển giao rủi ro	13,9	66,9	19,2
- Chấp nhận rủi ro	30,3	50,8	18,9

Câu hỏi khảo sát chính	Tỷ lệ (%)		
	Có	Không	Không biết
Các hoạt động kiểm soát	37,6	49,2	13,2
<i>Chính sách kiểm soát: Có văn bản hóa các quy định sau không?</i>	32,3	58,8	8,9
- Nội quy lao động	30,3	65,6	4,2
- Quy chế tài chính/Quy chế chi tiêu nội bộ	27,2	66,9	5,8
- Quy chế lương, thưởng, kỷ luật	54,2	41,9	3,9
- Quy trình bán hàng/phân phối sản phẩm	18,9	76,1	5,0
- Quy trình mua hàng	31,9	47,8	20,3
- Quy trình sản xuất, phát triển sản phẩm	31,1	54,7	14,2
<i>Kiểm soát vật chất</i>	44,2	51,8	4,0
- Có lắp đặt camera, hệ thống bảo vệ tài sản?	21,9	77,8	0,3
- Có kiểm kê tài sản theo định kỳ?	82,5	17,5	0,0
- Số liệu thường xuyên bị sai khi đối chiếu với thực tế vào cuối kỳ không?(Có sự chênh lệch giữa số liệu trên sổ sách và số liệu kiểm kê)	28,1	60,0	11,9
<i>Kiểm tra, đối chiếu</i>	59,1	33,2	7,7
- Doanh nghiệp có kiểm tra, đối chiếu giữa các sổ sách với nhau không?	90,3	9,7	0,0
- Có kiểm tra, đối chiếu giữa sổ sách với thực tế không?	65,0	33,6	1,4
- Có kiểm tra đối chiếu giữa thực tế và kế hoạch không?	21,9	56,4	21,7
<i>Bất kiêm nhiệm: Có đảm bảo không kiêm nhiệm giữa các chức năng không?</i>	34,2	61,4	4,4
<i>Phân công, phân nhiệm: Phân chia quyền hạn và trách nhiệm rõ ràng bằng văn bản không?</i>	27,2	69,2	3,6
Thông tin và truyền thông	56,4	30,6	9,2
<i>Hệ thống thông tin kế toán</i>	55,8	41,9	2,3
- Tất cả các nghiệp vụ được phản ánh đầy đủ vào chứng từ không?	79,7	20,3	0,0
- Số liệu thường xuyên bị sai khi kiểm tra đối chiếu với thực tế vào cuối kỳ không?	26,4	73,6	0,0
- Có hạn chế việc xâm nhập và truy cập vào tài sản và dữ liệu thông tin không?	96,1	3,9	0,0
- Công ty có quy định bằng văn bản trình tự lập và luân chuyển chứng từ không?	20,8	70,0	9,2
<i>Truyền thông (trao đổi thông tin)</i>	68,8	24,0	7,2
- Ban giám đốc có thường xuyên tiếp xúc và trao đổi trực tiếp với nhân viên không?	89,7	10,3	0,0
- Kế toán trưởng có thường xuyên tổ chức các buổi thảo luận, trao đổi chuyên môn không?	53,3	46,7	0,0
- Khi có bất kỳ thông tin nào ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh có được báo cáo lên cấp trên kịp thời không?	94,7	5,3	0,0
- Doanh nghiệp có thường xuyên cập nhật thông tin về điều kiện kinh doanh, luật pháp và đối thủ cạnh tranh không?	37,5	33,6	28,9

Câu hỏi khảo sát chính	Tỷ lệ (%)		
	Có	Không	Không biết
Giám sát	36,9	40,6	22,5
Giữa các nhân viên có sự giám sát lẫn nhau trong công việc hàng ngày không?	52,8	45,8	1,4
Nhà quản lý có thường xuyên kiểm tra hoạt động của từng cá nhân và bộ phận không?	44,2	38,6	17,2
Định kỳ nhà quản lý có đánh giá sự hữu hiệu và hiệu quả của kiểm soát nội bộ?	26,9	48,1	25,0
Nhược điểm của kiểm soát nội bộ có được điều chỉnh cho phù hợp không?	23,9	29,7	46,4